TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2019/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Bảo, ngày 02 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ L số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Bùi Thị L; nơi cư trú: Thôn 3, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Anh Phạm Hiếu T; nơi cư trú: Thôn 3, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T có 03 con chung là Phạm Như Q , sinh ngày 02-02-2005; Phạm Ngọc P , sinh ngày 17-12-2012; Phạm Thị N Y , sinh ngày 11-12-2014. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phạm Như Q , sinh ngày 02-02-2005 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; nuôi con Phạm Ngọc P , sinh ngày 17-12-2012 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; nuôi con Phạm Thị N Y , sinh ngày 11-12-2014 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp

dưỡng nuôi con tính từ tháng 4/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T thỏa thuận: Anh T nhận chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T .

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T có 03 con chung là Phạm Như Q , sinh ngày 02-02-2005; Phạm Ngọc P , sinh ngày 17-12-2012; Phạm Thị N Y , sinh ngày 11-12-2014. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Phạm Như Q , sinh ngày 02-02-2005 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; nuôi con Phạm Ngọc P , sinh ngày 17-12-2012 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; nuôi con Phạm Thị N Y , sinh ngày 11-12-2014 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Hiếu T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Hiếu T nhận chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

VB, theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001412 ngày 22-4-2019. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện VB;
- TAND TP Hải Phòng;
- UBND xã CM, huyện VB thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thương Huyền